TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 27-6-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Mạnh T**

2. Bà **Nguyễn Thị Phương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hạnh** - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Đình Anh**- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1986

Đăng ký HKTT: Thôn A 1, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Hiện ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1981

Đăng ký HKTT: Thôn A 1, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Hiện ở địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh T- Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Ngọc Th- Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên toà có mặt chị H. Anh T vắng mặt không có lý do.

Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Đặng Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Đào Văn T do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã IA huyện Ch, tỉnh Gia Lai vào ngày 29/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận tại Gia Lai đến đầu năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong làm ăn buôn bán. Sau đó vợ chồng đã chuyển về Thôn A 1, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra xô xát đánh chửi nhau do bất đồng trong việc buôn bán. Năm 2014 vợ chồng mua đất làm nhà và chuyển đến sinh sống tại Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ cho đến nay nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Đến tháng 02/2018 anh T đã đánh đuổi chị nên chị đã bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh T được nữa nên xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đào Tiến D, sinh ngày 06/7/2007 và Đào Thị Thu Th, sinh ngày 22/11/2012. Hiện nay con D đang ở với anh T còn con Th đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị và anh T đã thống nhất chị nuôi dưỡng con Th còn anh T nuôi dưỡng con D. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị H khai chị và anh T có khối tài sản chung gồm: 01 (Một) ngôi nhà ba tầng, có kết cấu tường gạch xi măng, mái bê tông, diện tích sàn 144m^2 tại Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ngôi nhà xây dựng trên tổng diện tích đất là 60,3 m^2 (theo GCNQSD đất số 00046/CNQSDĐ do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 15/6/2015 và GCNQSD đất số CH00004 do do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 05/12/2012 (chị H không yêu cầu định giá nhà và đất). Chị và anh T đã thế chấp toàn bộ nhà, đất tại Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình để vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ với tổng số tiền vay là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) vào ngày 12/6/2017. Mục đích vay để kinh doanh buôn bán hoa quả, thời hạn vay là 01 năm với lãi suất 10%/năm. Nay ly hôn, chị và anh T đã có biên bản về việc thoả thuận phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận, đề ngày 13/4/2018 có xác nhận của UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ. Theo biên bản thì anh T được toàn quyền

sở hữu và sử dụng khối tài sản là nhà, đất tại Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (đã thế chấp Ngân hàng). Anh T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình số tiền vay gốc là **1.500.000.000 đồng** (*Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) và khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Anh T không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị.

Đối với bị đơn là anh Đào Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên toà. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, anh T đã trình bày về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị H đã khai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Gia Lai được khoảng 03 năm thì vợ chồng chuyển về Thái Bình sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận cho đến tháng 11/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hiểu lầm nhau trong việc buôn bán dẫn đến đánh cãi chửi nhau. Chị H cũng nghe tác động ở bên ngoài nên chán nản khiến mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng. Đến tháng 02/2018 vợ chồng có xô xát nên chị H đã bỏ nhà đi và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Nguyện vọng của anh không muốn vợ chồng ly hôn vì con cái còn nhỏ. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì chị H giải quyết đơn phương, anh chấp nhận ra toà để xét xử ly hôn chứ anh không ký đồng ý ly hôn vì các con sẽ trách anh.

Về con chung: Anh T và chị H đã thống nhất thoả thuận với nhau chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Thị Thu Th, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Tiến D. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh T khai nếu phải giải quyết ly hôn, anh và chị H đã có biên bản về việc thoả thuận phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận đó. Anh T không yêu cầu định giá tài sản là nhà, đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ hoàn toàn nhất trí với biên bản về việc thoả thuận phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị H, anh T. Ngân hàng đồng ý với thoả thuận của anh T chị H: giao cho anh T được sở hữu và sử dụng khối tài sản là nhà, đất tại Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (đã thế chấp Ngân hàng). Anh T có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình số tiền vay gốc là **1.500.000.000 đồng** (*Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) và **17.500.000 đồng** (*Mười bẩy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi tính đến ngày 12/6/2018; Tổng cộng là **1.517.500.000 đồng** (*Một tỷ, năm trăm mười bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng*). Anh T cũng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình tiền lãi suất nợ quá hạn đối với nợ gốc bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tính

từ ngày 13/6/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị H được ly hôn anh T; về quan hệ con chung xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Thị Thu Th; anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Tiến D. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về quan hệ tài sản cần ghi nhận sự thoả thuận của các bên đương sự. Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đào Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Đào Văn T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữa chị H anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong làm ăn buôn bán, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Chị H cương quyết ly hôn anh T vì xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh T được nữa. Anh T đã có lời khai đồng ý ly hôn chị H sau lại thay đổi anh chấp nhận ra toà để xét xử ly hôn chứ anh không đồng ý ly hôn vì các con sẽ trách anh. Quá trình chuẩn bị xét xử giữa anh T chị H không tìm được tiếng nói chung cũng như không có giải pháp nào để đoàn tụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T đã thống nhất thoả thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con chung, cần xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: Các bên đương sự đã thoả thuận giải quyết với nhau về tài sản chung, nợ chung và đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận đó. Việc thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về quan hệ tài sản là phù hợp với Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Đào Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Chị Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Thị Thu Th, sinh ngày 22/11/2012. Anh Đào Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Tiến D, sinh ngày 06/7/2007. Chị H, anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều được quyền thăm nom con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Anh Đào Văn T được quyền sở hữu và sử dụng khối tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 (Một) ngôi nhà ba tầng có kết cấu tường gạch xi măng, mái bê tông, diện tích sàn 144m^2 tại Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ngôi nhà xây dựng trên tổng diện tích đất là 60,3 m^2 (*theo GCNQSD đất số 00046/CNQSDĐ do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 15/6/2015 và GCNQSD đất số CH00004 do do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 05/12/2012*). Nhà và đất đã thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình.

Anh T có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình số tiền vay gốc là **1.500.000.000 đồng** (*Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) và **17.500.000 đồng** (*Mười bẩy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi tính đến ngày 12/6/2018; Tổng cộng là **1.517.500.000 đồng** (*Một tỷ, năm trăm mười bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Anh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình tiền lãi suất nợ quá hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đối với nợ gốc bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tính từ ngày 13/6/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

Anh Đào Văn T không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị Đặng Thị H.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003605 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- UBND xã IA, Ch, Gia Lai,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng